

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung
thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật Kiến trúc năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1686/QĐ-TTG ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 15/9/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 53-CTr/TU ngày 20/5/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính

trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045;

Căn cứ Thông báo số 1200-TB/TU ngày 09/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm;

Theo các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 19/5/2010 về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm; Văn bản số 2708/UBND-GTXD ngày 13/9/2019 về việc điều chỉnh quy mô, hướng tuyến QL1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý thuộc địa bàn thị trấn Kiện Khê huyện Thanh Liêm; Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm;

Căn cứ Kết luận giao ban Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh tuần 38 ngày 19/9/2024 (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo tại Văn bản số 3466/TB-VPUB ngày 19/9/2024);

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 2499/TTr-SXD ngày 16/9/2024, kèm theo Báo cáo Thẩm định số 2498/BC-SXD ngày 16/9/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm với những nội dung sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm.

3. Lý do, điều kiện điều chỉnh

- Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm (được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 19/5/2010 và điều chỉnh tại Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 20/3/2018) đến nay đã đến thời hạn rà soát theo quy định.

- Theo Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023) và Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 28/10/2022), một số khu vực thuộc Quy hoạch chung thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm cần được nghiên cứu điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Mục tiêu, tính chất, phạm vi và quy mô nghiên cứu

4.1. Mục tiêu

- Cụ thể hoá Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt; rà soát tình hình phát triển theo tiêu chí đô thị loại V đối với thị trấn Kiện Khê và định hướng phát triển thị trấn, theo hướng từng bước đưa huyện Thanh Liêm trở thành đô thị loại IV trước năm 2030.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế về vị trí, hạ tầng và nguồn lao động sẵn có trong khu vực để xây dựng phát triển đô thị công nghiệp của huyện với đầy đủ các công trình chức năng của đô thị. Định hướng việc khai thác nguồn tài nguyên vật liệu xây dựng theo hướng ổn định, gắn với chuyển đổi công nghệ sản xuất, thân thiện với môi trường; cải tạo phục hồi môi trường cho khu vực khai thác, chế biến khoáng sản. Xây dựng mới kết hợp cải tạo chỉnh trang khu dân cư hiện hữu đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị đồng bộ, môi trường sinh thái bền vững.

- Làm cơ sở triển khai lập quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong đô thị.

4.2. Tính chất:

Là đô thị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng. Phát triển du lịch hành hương về nguồn gắn với thăm quan các công trình văn hóa, kiến trúc đặc sắc có giá trị.

4.3. Phạm vi lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch được xác định trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Kiện Khê, ranh giới cụ thể xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý và xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng;
- Phía Nam: Giáp xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm;
- Phía Đông: Giáp phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý;
- Phía Tây: Giáp xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng.

4.4. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 757,8 ha.
- Quy mô dân số:
 - + Dân số hiện trạng (năm 2022): khoảng 11.463 người.
 - + Đến năm 2030 khoảng 15.000 người.
 - + Đến năm 2035 khoảng 16.000 người.

5. Quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển không gian đô thị

5.1. Hướng phát triển đô thị

- Hướng phát triển của thị trấn Kiện Khê theo 2 hướng chính, trên cơ sở hạ tầng khu trung tâm thị trấn hiện hữu mở rộng ra các phía Đông Nam, phía

Đông, dọc tuyến Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý, các trục đường tỉnh ĐT.494, ĐT.495C, ĐT.494C và dọc phía Đông sông Đáy.

- Đến năm 2030: Trên cơ sở hiện trạng khu vực xây dựng tập trung tại khu vực công nghiệp, dịch vụ thương mại và nhà ở phía Đông và sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng gắn với cải tạo phục hồi môi trường, trồng cây xanh ở phía Tây, mở rộng phát triển thị trấn về phía Đông, phía Đông Bắc.

- Đến năm 2035: Tiếp tục phát triển thị trấn Kiện Khê về phía Tây Nam và phía Nam.

5.2. Cơ cấu sử dụng đất

Stt	Danh mục sử dụng đất	Quy hoạch đến năm 2030			Quy hoạch đến năm 2035		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m ² /người)
Tổng diện tích lập quy hoạch		757,77	100,0		757,77	100,0	
	- Đất xây dựng đô thị	341,97	45,1		352,24	46,5	
	- Đất khác	415,80	54,9		405,53	53,5	
A	Đất xây dựng đô thị	341,97	45,1		352,24	46,5	
I	Đất dân dụng	123,10	16,2	82,07	131,65	17,4	82,28
1	Đất nhóm nhà ở	70,58	9,3	47,05	74,08	9,8	46,30
1.1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng	60,06	7,9		60,06	7,9	
1.2	Đất nhóm nhà ở ở mới	10,52	1,4	29,74	14,02	1,9	30,90
2	Đất giáo dục	3,63	0,5		4,53	0,6	
2.1	Trường mầm non	1,11	0,1		2,01	0,3	
2.2	Trường tiểu học	1,57	0,2		1,57	0,2	
2.3	Trường trung học cơ sở	0,94	0,1		0,94	0,1	
3	Đất dịch vụ - công cộng khác	7,98	1,1	5,32	8,97	1,2	5,61
3.1	Đất y tế	0,22	0,0		0,22	0,0	
3.2	Đất văn hóa	0,81	0,1		0,81	0,1	
3.3	Đất thể dục - thể thao	2,17	0,3		2,17	0,3	
3.4	Đất thương mại	4,78	0,6		5,77	0,8	
4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,80	0,1	0,53	0,93	0,1	0,58
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	11,20	1,5	7,47	11,64	1,5	7,27
6	Đất giao thông đô thị	22,08	2,9	14,72	24,52	3,2	15,33
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	6,83	0,9	4,55	6,99	0,9	4,37

II	Đất ngoài dân dụng	218,87	28,9	145,90	220,59	29,1	137,8 7
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	128,51	17,0		128,51	17,0	
2	Đất cây xanh chuyên dùng	30,18	4,0		31,91	4,2	
3	Đất di tích, tôn giáo	14,49	1,9		14,49	1,9	
4	Đất cơ quan ngoài đô thị	0,12			0,12		
5	Đất an ninh	0,50	0,1		0,50	0,1	
6	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	11,24	1,5		11,24	1,5	
6.1	Đất nghĩa trang	11,17	1,5		11,17	1,5	
6.2	Đất hạ tầng ngoài đô thị	0,08	0,0		0,08	0,0	
7	Đất giao thông đối ngoại	33,83	4,5		33,83	4,5	
B	Đất khu nông nghiệp và chức năng khác	415,80	54,9		405,53	53,5	
1	Đất sản xuất nông nghiệp	101,98	13,5		99,79	13,2	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp tập trung	60,76			58,57		
1.2	Đất sản xuất nông nghiệp gắn với đất ở	41,22			41,22		
2	Đất lâm nghiệp	33,76	4,5		70,64	9,3	
3	Đất vật liệu xây dựng	136,31	18,0		136,31	18,0	
4	Đất chưa sử dụng	99,55	13,1		50,16	6,6	
5	Hồ, ao, đầm	11,93	1,6		11,93	1,6	
6	Sông, suối, kênh, rạch	32,27	4,3		36,70	4,8	

*** Ghi chú:**

- Đồ án quy hoạch chung đô thị được tính toán đến mạng lưới đường khu vực đề xuất việc tính toán các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cũng được nghiên cứu đến các ô quy hoạch. Vị trí và ranh giới các lô đất trên bản vẽ có tính chất định hướng. Ranh giới quy mô và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của các lô đất xây dựng sẽ được xác định chính xác ở bước lập quy hoạch chi tiết, trên cơ sở quỹ đất cụ thể tại khu vực, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế và các chỉ tiêu cơ bản đối với ô quy hoạch đã được xác định tại đồ án Quy hoạch chung này.

- Đối với Khu công nghiệp Thanh Liêm: đất sản xuất công nghiệp, kho tàng xác định theo Quy hoạch tỉnh và rà soát đảm bảo sự phù hợp về đất khu công nghiệp, các chức năng sử dụng các loại đất trong khu công nghiệp được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch khu chức năng đảm bảo chỉ tiêu, tỷ lệ các loại đất tuân thủ theo quy định hiện hành.

- Khu vực phía Tây Bắc (trước đây quy hoạch cụm công nghiệp Tây Kiện Khê): Giai đoạn trước mắt, việc thực hiện các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ phát triển kinh tế xã hội được thực hiện trên cơ sở điều kiện thực tế hiện trạng tại khu vực và các định hướng phát triển của ngành và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; giai đoạn dài hạn, định hướng quy

hoạch cải tạo, phát triển trồng cây xanh, phục hồi môi trường hình thành mảng cây xanh tập trung có diện tích lớn đáp ứng các tiêu chí hướng phát triển thành rừng, nhằm mục tiêu cải thiện môi trường, không gian kiến trúc cảnh quan bền vững cho khu vực.

- Đối với đất công trình di tích, tôn giáo: quy mô, phạm vi và diện tích sẽ được xác định cụ thể trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên cơ sở quyết định hoặc ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Việc lập dự án cải tạo, xây dựng phải tuân thủ quy định của pháp luật và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5.3. Định hướng phát triển không gian thị trấn

a) Định hướng chung cho không gian thị trấn bám sát với các dự báo về động lực phát triển và phân vùng không gian kinh tế. Không gian đô thị được kiểm soát theo 4 khu vực gồm:

- Khu vực đô thị:

+ Khu vực đô thị hiện hữu: Là khu vực tập trung mật độ dân cư đông đúc, phát triển lâu đời, công trình nhà ở xây dựng theo hướng tự phát, thiếu không gian xanh. Định hướng không gian theo hướng giảm tải tập trung dân cư, cải thiện không gian xanh trong lõi; cải tạo chỉnh trang các trục giao thông chính để cải thiện vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng cảnh quan đô thị. Đối với dải dân cư phía Tây kề cận khu vực sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng về lâu dài, khi có điều kiện sẽ định hướng di chuyển về khu vực phát triển mở rộng, khu vực ít ảnh hưởng ô nhiễm môi trường.

+ Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Không phát triển mở rộng khu dân cư tại khu vực phía Tây tuyến QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý; mở rộng khu vực trung tâm thị trấn về phía Đông, phía Nam để bố trí bổ sung các công trình công cộng, công viên cây xanh, thể dục thể thao cấp đô thị; bố trí một số khu dân cư mới để phục vụ cho nhu cầu của người dân và phục vụ tái định cư trong khu vực.

- Khu vực phát triển công nghiệp: Là các điểm công nghiệp hiện trạng bao gồm Khu công nghiệp Thanh Liêm phía Đông, điểm công nghiệp hiện trạng phía Bắc (*giáp tuyến QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý*), phía Nam (*giáp tuyến đường nối QL.1 với ĐT.495C*) và một số khu vực phân tán trong các khu vực sản xuất vật liệu xây dựng phía Tây (*nhà máy sản xuất vôi*). Bố trí mới một điểm phát triển công nghiệp tập trung quy mô nhỏ phía Tây Nam thị trấn.

- Khu vực sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng: Là khu vực phía Tây của thị trấn, được cập nhật theo các điểm mỏ trong vùng khai thác, các bãi chế biến hiện hữu và dự án liên quan. Định hướng chuyển đổi dây chuyền công nghệ theo hướng thân thiện môi trường, quan tâm nhiều đến công tác bảo vệ môi trường cho khu vực, hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến khu vực dân cư, khu vực trung tâm đô thị. Thực hiện nghiêm việc cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật, đảm bảo cải thiện không gian kiến trúc cảnh quan cho khu vực.

- Khu vực nông nghiệp, hành lang xanh bảo vệ đô thị: Là khu vực nông nghiệp hiện trạng giáp vực sản xuất vật liệu xây dựng nằm ở phía Tây đường tránh QL1. Phát triển các mảng cây xanh tập trung, cây xanh cách ly có diện

tích lớn để cải tạo môi trường, cảnh quan chung cho thị trấn.

b) Định hướng không gian các khu chức năng, công trình công cộng:

- Hình thành khu vực không gian mở, trung tâm phát triển mới của thị trấn bao gồm khu đất trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn hiện trạng tại tiểu khu Châu Giang mở rộng và các công trình trụ sở mới (*trụ sở Ban Chỉ huy quân sự thị trấn, trụ sở đội phòng cháy chữa cháy*); Quy hoạch đất an ninh bố trí trụ sở Công an xã tiếp giáp trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn giáp tuyến QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý.

- Trung tâm văn hóa, thể thao: gồm trung tâm văn hóa thị trấn giữ nguyên vị trí trong khu đất trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn, trung tâm thể thao thị trấn được quy hoạch khu vực phía Nam trung tâm hành chính thị trấn gắn với không gian cây xanh đô thị. Hệ thống thiết chế văn hoá truyền thống như đình làng, các khu vực các nhà văn hoá, sân thể thao tại các tổ dân phố (*tiểu khu cũ*) được duy trì hoạt động, đồng thời kết hợp rà soát bổ sung các sân thể thao tiêu chuẩn.

- Trung tâm y tế: giữ nguyên quy mô diện tích và vị trí hiện trạng tại tiểu khu Kiện và tiểu khu La Mát.

- Giáo dục: Giữ nguyên vị trí 02 trường mầm non hiện trạng đang hoạt động tại tiểu khu Kiện và tiểu khu La Mát, bổ sung 2 điểm trường tại tiểu khu Tháp và tiểu khu Châu Giang để đảm bảo bán kính phục vụ. Giữ nguyên vị trí trường tiểu học, trung học cơ sở, mở rộng trường tiểu học B về phía Tây đảm bảo diện tích phát triển.

- Công trình di tích, tôn giáo: cập nhật, rà soát các công trình di tích, văn hóa lịch sử, tôn giáo hiện có trên địa bàn; nghiên cứu bố trí, cập nhật bổ sung một số vị trí đất tôn giáo trong khu vực thị trấn, cụ thể:

+ Khu vực Nhà thờ Sở Kiện được rà soát, cập nhật khu vực được giao quản lý, sử dụng và căn cứ quy định của pháp luật đề điều có liên quan để định hướng phạm vi ranh giới quy hoạch cho phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Bổ sung diện tích đất tôn giáo để xây dựng phòng khám đa khoa, nhà nuôi dạy trẻ phục vụ mục đích nuôi dạy trẻ và khám chữa bệnh cho đồng bào công giáo trong khu vực; bổ sung diện tích đất tôn giáo để đầu tư xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao phục vụ tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao ngoài trời nhằm sử dụng vào mục đích chung của địa phương và giáo hội (*theo Thông báo số 250/TB-VPCP ngày 02/6/2017 của Văn phòng Chính phủ*).

+ Các công trình tôn giáo khác được kiểm soát phát triển, mở rộng không gian phục vụ tôn tạo di tích đình, chùa Châu, bố trí bổ sung cây xanh sử dụng công cộng xung quanh các công trình tôn giáo, tín ngưỡng đảm bảo yêu cầu phục vụ không gian sinh hoạt chung của người dân.

- Thương mại dịch vụ: phát triển hệ thống thương mại dịch vụ đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị gồm chợ Kiện Khê hiện trạng và điểm chợ mới tại tiểu khu La Mát gắn với các khu công cộng dịch vụ phía Đông tuyến QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý; bố trí các khu thương mại dịch vụ dọc phía Nam đường ĐT.494C tại tiểu khu Lâm Sơn và các công trình công cộng dịch vụ phát triển cùng các khu ở mới tại tiểu khu Ninh Phú và tiểu khu Châu Giang.

- Du lịch: khai thác cảnh quan, điều kiện tự nhiên, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của thị trấn Kiện Khê cho phát triển du lịch. Bảo tồn, tôn tạo các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng có lịch sử lâu đời trên địa bàn thị trấn (*Quần thể di tích Đình, chùa Châu - Động Phúc Long, Vương cung Thánh đường Sở Kiện*), phát triển các làng nghề sản xuất như bánh đa nướng Kiện Khê, chạm khắc đá...

- Không gian cây xanh, mặt nước đô thị: Hệ thống cây xanh mặt nước đô thị được bố trí trong các khu ở mới và cải tạo mở rộng trong khu vực hiện hữu kết hợp với hệ thống hồ, kênh hiện hữu tạo không gian cảnh quan và cải thiện môi trường vi khí hậu cho thị trấn.

- Các nhóm ở trong thị trấn được định hướng theo hướng:

+ Đối với các nhóm ở hiện hữu, bao gồm các làng xóm và khu dân cư đã xây dựng sẽ ưu tiên giữ theo thực trạng hiện nay, từng bước cải tạo, chỉnh trang khu vực dân cư hiện hữu theo hướng đồng bộ với các khu vực phát triển đô thị mới, hạn chế tăng mật độ xây dựng, kiểm soát phát triển không gian, chiều cao công trình nhằm giữ gìn cấu trúc không gian hiện hữu.

+ Các khu ở mới được lựa chọn tại các khu vực có lợi thế về giao thông và vị trí ưu tiên phát triển nằm tại phía Nam tiểu khu Châu Giang và khu phía Đông tiểu khu Ninh Phú. Khuyến khích phát triển nhà ở có mật độ thấp tại các khu vực cây xanh cảnh quan, mặt nước lớn, tạo cảnh quan sinh thái cho thị trấn.

+ Bố trí quỹ đất tái định cư có vị trí phù hợp, kề cận với với khu dân cư hiện trạng, khu vực phát triển mới. Từng bước cải tạo, chỉnh trang khu vực dân cư hiện hữu theo hướng đồng bộ với các khu vực phát triển đô thị mới, hạn chế tăng mật độ xây dựng, giữ gìn cấu trúc không gian hiện hữu.

- Khu vực công nghiệp, kho tàng:

+ Khu công nghiệp tại khu vực phía Đông thị trấn cùng các điểm công nghiệp hiện trạng tạo động lực phát triển đô thị. Bố trí hệ thống cây xanh cách ly trong vùng đệm giữa khu vực phát triển dân cư và khu vực phát triển công nghiệp để đảm bảo khoảng cách ly và vệ sinh môi trường theo quy định. Đối với khu công nghiệp việc trồng cây xanh cách ly được đảm bảo trong phạm vi khu công nghiệp.

+ Khu vực khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng phía Tây được kiểm soát hoạt động, các tác động đến môi trường xung quanh.

- Các khu vực nghĩa trang hiện trạng đóng cửa theo lộ trình, bố trí cây xanh cách ly, hạn chế tác động đến các khu chức năng trong đô thị.

- Phát triển kiến trúc hiện đại, đồng bộ, hạn chế tăng mật độ xây dựng khu dân cư hiện trạng. Tăng cường không gian xanh, không gian vui chơi giải trí - thể dục thể thao cho đô thị. Hệ thống cây xanh, vườn hoa cấp đơn vị ở được quy hoạch xen kẽ trong từng nhóm ở.

- Khu vực cấm xây dựng: Nghiêm cấm xây dựng các công trình trong khu vực rừng phòng hộ, hành lang lưới điện, hành lang bảo vệ nguồn nước, phạm vi

bảo vệ công trình quốc phòng, khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, theo quy định của pháp luật.

5.4. Thiết kế đô thị

- Khu vực hiện hữu: nâng cấp, cải tạo và chỉnh trang các công trình xuống cấp, các công trình xây mới có tầng cao trung bình và thấp, tận dụng các khu đất trống, hoặc tận dụng chuyển đổi chức năng tại khu ở bổ sung tăng cường thêm các tiện ích cho từng khu ở hiện hữu như: nhà văn hóa, cây xanh vườn hoa, mặt nước, thể dục thể thao, sân chơi...

- Khu vực đô thị phát triển mở rộng: khu vực đô thị phát triển mở rộng mang hình ảnh khu ở hiện đại, mật độ trung bình và thấp, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ. Tập trung xây dựng một số công trình thương mại dịch vụ có quy mô từ 1-5 tầng, hình thức kiến trúc hiện đại, tạo điểm nhấn cho đô thị và đáp ứng nhu cầu của người dân trong khu vực. Các công trình công cộng được nghiên cứu bố trí tầng cao, mật độ, phong cách kiến trúc phù hợp với công năng sử dụng của từng công trình, đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn. Công trình nhà ở thấp tầng đảm bảo mật độ xây dựng theo quy chuẩn, tầng cao 2-4 tầng đối với nhà biệt thự, 3-5 tầng đối với nhà liên kế.

- Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường, điểm nhấn đô thị: Hình thành các trục không gian chính kết hợp với bố trí các công trình điểm nhấn tại các vị trí cửa ngõ của đô thị trên các tuyến đường QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý, đường QL.21, ĐT.494C,... và khu vực trung tâm đô thị.

- Khu vực cây xanh mặt nước, quảng trường:

+ Bố trí không gian cây xanh, mặt nước tập trung cấp đô thị tại khu vực trung tâm, khu vực các công trình thể dục thể thao, công trình văn hóa cấp đô thị, khu vực sông Đáy, sông Vịn qua đó hình thành khu vực không gian mở đảm bảo kiến trúc cảnh quan, điều hòa vi khí hậu của đô thị.

+ Bố trí hệ thống các công viên vườn hoa, khu thể dục thể thao cấp khu ở, nhóm ở đảm bảo bán kính phục vụ, đáp ứng nhu cầu giao lưu, sinh hoạt cộng đồng cho người dân đô thị.

6. Định hướng hạ tầng kỹ thuật

6.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

Các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh được tuân thủ theo Quy hoạch đường bộ quốc gia và Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tuyến QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý là trục giao thông đối ngoại chính của thị trấn thực hiện theo Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt. Trong đó đoạn đi qua thị trấn với quy mô đường cấp III đồng bằng với 04 làn xe. Khu vực phía Đông cầu Kiện Khê được vi chỉnh hướng tuyến và mở rộng quy mô lộ giới của đường đối với đoạn qua khu vực thị trấn rộng từ 58m÷75m.

- Tuyến QL.21 đoạn qua thị trấn được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị với lộ giới rộng 21m.

- Tuyến ĐT.494C: Đoạn phía Đông tuyến QL.1 đoạn tránh bề rộng mặt cắt ngang 28,0m; Nâng cấp đoạn phía Tây tuyến QL.1 đoạn tránh đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi với $B_n=15,0m$ (4 làn xe cơ giới).

- Tuyến ĐT.495C: Cải tạo nâng cấp đoạn qua thị trấn đạt tiêu chuẩn đường đô thị với bề rộng mặt cắt đường 21,0m.

b) Giao thông đô thị:

- Đường chính đô thị: Bổ sung tuyến đường nối QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý với đường nối ĐT.495C lộ giới 60,0m hình thành trục vận tải phía Tây hạn chế đi qua khu vực đô thị.

- Hệ thống đường cấp khu vực có lộ giới từ 13,5m-28m. Hệ thống đường huyện hiện có cải tạo chỉnh trang theo hướng đô thị, bố trí hệ đường đảm bảo an toàn giao thông.

c) Giao thông khu vực đồi núi phía Tây: Trên cơ sở đường hiện trạng, quy hoạch mở rộng tuyến đường phía Tây kết nối đường ĐT.494C với các khu vực sản xuất, khai thác khoáng sản. Quy mô của đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi (02 làn xe), bề rộng nền 9,0m và hành lang bảo vệ theo quy định.

d) Giao thông đường thủy: Tiếp tục duy trì tuyến đường vận tải trên sông Đáy, cải tạo, nạo vét lòng sông để tăng cường năng lực vận tải đường thủy tại khu vực.

đ) Công trình đầu mối và giao thông công cộng:

- Nút giao thông: Hoàn chỉnh nút giao giữa tuyến QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý và tuyến đường nối ĐT.495C theo dạng nút giao bằng dạng ngã ba và các nút giao cùng mức khác; tổ chức giao thông có đảo dẫn hướng kết hợp với đèn tín hiệu giao thông, biển báo và vạch sơn kẻ đường theo quy định.

- Bến xe, bãi đỗ xe: Bố trí bến xe thị trấn kết hợp bãi đỗ xe tại khu vực cửa ngõ tại tiểu khu Ninh Phú. Các bãi đỗ xe tập trung được bố trí với bán kính phục vụ 400-500m trong các khu ở, các khu vực công cộng, đầu mối giao thông; các khu vực công viên cây xanh tập trung bố trí kết hợp với bãi đỗ xe nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ cho công trình.

- Cầu qua sông: Mở rộng cầu hiện có về phía Nam theo quy mô của phần lõi tuyến QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý.

6.2. Định hướng cao độ nền, thoát nước mưa

a) Định hướng quy hoạch cao độ nền xây dựng:

- Cao độ khống chế nền xây dựng cho khu vực dân dụng $H_{xd} \geq +3,0m$. Trong đó khu vực phía Bắc tuyến QL.1, phía Đông sông Đáy cao độ khống chế $H_{xd} \geq +3,0m$; khu vực phía Nam tuyến QL.1, phía Đông sông Đáy cao độ khống chế $H_{xd} \geq +3,3m$; khu vực phía Bắc tuyến QL.1, phía Tây sông Đáy cao độ khống chế $H_{xd} \geq +3,8m$; khu vực phía Nam tuyến QL.1, phía Tây sông Đáy

cao độ không chế Hxd $\geq +3,0\text{m}$.

- Cao độ nền xây dựng khu vực công nghiệp Hxd $\geq 3,2\text{m}$.

- Khu vực đã xây dựng (*làng xóm đô thị hóa*), những khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ không chế của các khu vực, từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ không chế chung của khu vực.

b) Thoát nước mưa:

- Nước mưa được thu gom tập trung vào hệ thống cống thoát ra kênh tiêu, sông Vịn và thoát ra sông Đáy; khu vực được chia làm 3 lưu vực, cụ thể:

+ Lưu vực 1 (phía Đông sông Đáy): hướng dốc từ Bắc xuống Nam, nước mưa được thu gom vào kênh tiêu chính thoát về phía Nam qua trạm bơm Đông Hà thoát ra sông Đáy; khu vực ngoài đê thoát trực tiếp ra sông Đáy.

+ Lưu vực 2 (phía Đông sông Vịn và phía Tây sông Đáy): hướng dốc từ Bắc xuống Nam, nước mưa được thu gom về kênh tiêu chính, thoát ra sông Đáy.

+ Lưu vực 3 (phía Tây sông Vịn): hướng thoát nước theo địa hình tự nhiên của khu vực về các vùng thấp, thoát nước ra sông Vịn.

- Áp dụng giải pháp thoát nước mưa theo hướng bền vững: sử dụng các hồ, ao tự nhiên hiện có, bổ sung thêm hồ điều hòa gắn với công viên cây xanh để phục vụ yêu cầu tiêu thoát nước cho đô thị, hạn chế ngập úng cục bộ, đồng thời tạo không gian, cảnh quan cho đô thị; sử dụng kết cấu hè, đảo giao thông, bãi đỗ xe xen lẫn cây xanh, tăng hệ số thấm, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cấp, cải tạo, kiên cố hóa các trục tiêu thoát nước chính, hồ chứa và trạm bơm tiêu hiện có, đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực ra sông Đáy.

- Hệ thống thoát nước mưa: Sử dụng cống tròn có kích thước từ D600÷D1500 kết hợp hệ thống rãnh thoát nước B400÷B600 hiện trạng.

6.3. Định hướng cấp nước

- Nguồn cấp: chủ yếu từ nhà máy cấp nước Kiện Khê hiện trạng công suất thiết kế $5.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ và một phần từ Nhà máy nước Phủ Lý 2, bổ sung nguồn cấp từ Nhà máy nước sông Hồng theo điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt để đảm bảo an toàn cấp nước.

b) Mạng lưới đường ống

- Mạng đường ống:

+ Bổ sung tuyến ống truyền tải D600 hướng từ Phủ Lý dọc theo tuyến QL.1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý theo điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt để tăng cường nguồn cấp đảm bảo nhu cầu của thị trấn theo các giai đoạn phát triển.

+ Cải tạo mạng hiện có và bổ sung các tuyến ống phân phối DN110-DN200.

- Cấp nước cứu hỏa: nguồn nước cấp từ đường ống cấp nước trên các trục đường, mương tiêu, hồ nước; các trụ cứu hỏa được bố trí khoảng cách tối đa 150m/trụ và bố trí tại các vị trí ngã ba, ngã tư, khu vực công cộng thuận lợi cho

việc chữa cháy. Ngoài ra bố trí điểm lấy nước tại hồ nước, mặt nước cảnh quan trong đô thị làm nguồn nước sử dụng cứu hỏa.

6.4. Định hướng cấp điện – chiếu sáng

a) Nguồn điện, nhu cầu cấp điện:

- Nguồn điện từ các trạm 110kV Kiện Khê công suất hiện trạng 63MVA, giai đoạn 2030 là 3x63MVA và trạm 110kV Châu Sơn công suất hiện trạng 2x63MVA. Bổ sung thêm nguồn điện từ TBA 110kV Châu Sơn 2, xây dựng mới giai đoạn 2021-2030 công suất 2x63MVA trên cơ sở tách máy biến áp T3, T4 từ TBA 110kV Châu Sơn hiện trạng.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện đến năm 2030 khoảng 21MVA; đến năm 2035 khoảng 25MVA.

b) Mạng lưới cấp điện:

- Trạm biến áp:

+ Các trạm biến áp xây dựng mới cho khu đô thị dùng loại trạm Kios kiểu kín hợp bộ, đảm bảo bán kính phục vụ, khu vực dân cư hiện trạng di chuyển, chỉnh trang sử dụng loại trạm treo, các trạm đặt ở các khu vực cây xanh (*vị trí, số lượng và công suất các trạm biến áp trong các ô đất sẽ được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch chi tiết hoặc theo dự án cấp điện cho từng khu vực được cấp thẩm quyền phê duyệt*).

+ Các trạm biến áp hiện trạng được cải tạo, nâng công suất trạm cho phù hợp với công suất yêu cầu.

- Lưới điện:

+ Lưới điện cao thế: Cải tạo hành lang lưới điện cao thế đoạn qua thị trấn gồm đường dây 110kV Phủ Lý – Thanh Nghị nhánh rẽ Kiện Khê – XM Long Thành (E24.18) và nhánh rẽ Vissai Hà Nam (E24.10).

+ Lưới điện trung thế: Hoàn trả, hạ ngầm và nắn chỉnh tuyến 22kV, 35kV chạy dọc theo các trục đường giao thông quy hoạch. Lưới trung thế 35kV hiện trạng đi qua khu vực dân cư được cải tạo nâng tiết diện dây, đảm bảo cấp điện ổn định, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho khu vực. Lưới trung thế 22kV mới bố trí đi ngầm trong ống luồn cáp hoặc hào kỹ thuật, hình thành mạch vòng cấp điện cho các dự án trong khu vực, các tuyến rẽ nhánh đến trạm biến áp phân phối 22/0,4kV.

+ Lưới điện hạ thế và chiếu sáng quy hoạch đi ngầm theo các trục đường giao thông hiện trạng và quy hoạch; các khu vực hiện hữu đã đầu tư xây dựng được cải tạo, từng bước hạ ngầm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Chiếu sáng đô thị: đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm năng lượng, các khu sân chơi, công viên, vườn hoa và hồ nước cảnh quan,... bố trí thêm hệ thống chiếu sáng trang trí.

6.5. Định hướng phát triển thông tin liên lạc

- Nhu cầu thuê bao đến năm 2030 khoảng 17.250 lines; đến năm 2035 khoảng 20.000 lines.

- Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc (*hệ thống chuyển mạch, mạng truyền dẫn, mạng ngoại vi, mạng điện thoại*) đảm bảo đồng bộ với hệ thống hạ tầng theo quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh:

+ Mạng truyền dẫn: Tuyến cáp quang hiện trạng trên đường QL1 tuyến tránh thành phố Phủ Lý và QL.21; phát triển mạng cáp quang đến 100% các nhóm ở.

+ Phát triển thêm các trạm BTS tại các khu vực sóng yếu, đảm bảo 100% khu vực dân cư được phủ sóng thông tin di động 4G, 5G.

- Hệ thống truyền dẫn thiết kế với công nghệ hiện đại, sử dụng công nghệ mới về thông tin viễn thông, tiến tới truy cập thông tin trên diện rộng, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông, hệ thống đường dây đi qua đô thị được ngầm hoá đảm bảo mỹ quan.

6.6. Định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu nước thải sinh hoạt, dịch vụ của đô thị đến năm 2030 khoảng 2.300 m³/ng.đêm, năm 2035 khoảng 2.800 m³/ng.đêm (*khu công nghiệp và các điểm công nghiệp nhỏ lẻ được thu gom xử lý riêng theo dự án*).

- Khu vực hiện hữu dùng hệ thống thoát nước nửa riêng, khu vực phát triển mới dùng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Hướng thoát nước theo 02 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1 (*khu vực phía Đông sông Đáy*): Nước thải được thu gom theo hệ thống cống chính về trạm xử lý nước thải số 01 phía Nam thị trấn.

+ Lưu vực 2 (*khu vực phía Tây sông Đáy*): Nước thải được thu gom theo hệ thống cống chính về trạm xử lý nước thải số 02 phía Nam thị trấn.

- Mạng lưới thu gom nước thải gồm các tuyến ống D300-D400. Bố trí các trạm bơm chuyển bậc và ống áp lực có kích thước phù hợp. Trạm xử lý được chia thành các modul phù hợp với nhu cầu phát triển theo giai đoạn, nước thải xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. Các dự án khu đô thị, khu nhà ở được bố trí trạm xử lý nước thải cục bộ trong giai đoạn trước mắt khi trạm tập trung của đô thị chưa được đầu tư, dài hạn được chuyển thành trạm bơm đưa về xử lý tập trung.

- Khu công nghiệp, điểm công nghiệp hiện trạng thuộc thị trấn được xử lý từng khu theo dự án riêng.

b) Quản lý chất thải rắn (CTR):

- Tổng lượng CTR phát sinh trong khu vực năm 2030 khoảng 15 tấn/ngày đêm, đến năm 2035 khoảng 21 tấn/ngày đêm.

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung của tỉnh. Chất thải rắn công nghiệp và y tế nguy hại phải thu gom và vận chuyển riêng.

c) Quy hoạch nghĩa trang:

- Mở rộng 02 nghĩa trang nhân dân tại khu vực phía Bắc giáp huyện Kim Bảng (diện tích 2,93ha) và khu vực Tiểu khu Lâm Sơn (diện tích 1,2ha) phục vụ di chuyển các khu mộ nhỏ lẻ về khu nghĩa trang tập trung và nhu cầu mai táng của người dân trong khu vực. Khuyến khích, tuyên truyền vận động nhân dân chuyển dần sang hình thức hỏa táng.

- Các điểm nghĩa địa hiện trạng không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường tại các tiểu khu được chỉnh trang, xây tường bao, đóng cửa theo lộ trình, bố trí cây xanh cách ly theo quy định.

6.7. Giải pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Bố trí dải cây xanh cách ly, kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường khu công nghiệp, các khu vực khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng. Giám sát hoạt động khai thác khoáng sản, cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác. Bố trí trạm rửa xe sau khi ra ngoài khu vực khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình xử lý ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, trọng tâm là khu vực phía Tây sông Đáy và sông Nhuệ.

- Xác định hành lang bảo vệ nguồn nước, phục hồi bảo vệ cảnh quan ven sông, bảo vệ hành lang đê; Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh mặt nước ứng phó với rủi ro ngập úng, tạo vùng đệm xanh giữa khu vực khai thác, chế biến, sản xuất phía Tây và khu vực phát triển dân cư, đô thị phía Đông thị trấn.

- Giám sát tác động môi trường trong phát triển đô thị, phân loại thu gom chất thải rắn, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình xử lý môi trường (nước thải, chất thải rắn).

6.8. Quy hoạch không gian ngầm

- Công trình ngầm được bố trí tại các khu vực công trình có mục đích phục vụ cộng đồng, số tầng hầm tối đa 02 tầng, chỉ giới xây dựng đảm bảo thống nhất với công trình xây dựng trên mặt đất. Phương án cụ thể được nghiên cứu xác định trong quá trình thực hiện dự án bảo phù hợp với không gian xây dựng ngầm trong đồ án quy hoạch đô thị và quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị được quy định tại Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010.

- Bố trí hệ thống hào kỹ thuật/ ống chờ luôn cáp kết hợp hồ ga kỹ thuật (*bể cáp*) nối các khoảng ống để phục vụ cho việc hạ ngầm và bố trí hệ thống đường dây cáp điện, thông liên lạc.

7. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư

- Lập kế hoạch thực hiện quy hoạch trong đó ưu tiên triển khai lập các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định làm cơ sở quản lý, thu hút đầu tư.

- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Liêm.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường gom và hạ tầng trên tuyến của các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải (*mạng cống thu gom nước thải, trạm bơm và các trạm xử lý nước thải sinh hoạt*); đầu tư trang thiết bị phục vụ thu

gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn; xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Kiện Khê.

- Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình giáo dục; văn hóa.

- Xây dựng công trình thể dục thể thao, sân vận động, công viên cây xanh cấp đô thị; cấp nhóm ở.

- Nâng cấp, cải tạo Nhà máy nước hiện có trong khu vực và các hệ thống đường ống cấp nước gắn với bổ sung nguồn nước từ các Nhà máy nước mặt sông Hồng nhằm đảm bảo nguồn nước cho tương lai.

- Nạo vét, khơi thông hệ thống thủy lợi đảm bảo việc tiêu thoát nước cho đô thị.

- Xây dựng đề án cải tạo phục hồi môi trường; dự án trồng cây xanh tập trung, cây xanh cách ly dọc khu vực phía Tây đường tránh QL.1.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định Quản lý xây dựng theo đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm*”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm

- Tổ chức công bố công khai đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm theo đúng quy định.

- Tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới quy hoạch, triển khai cắm mốc giới và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo đúng quy định.

- Triển khai lập kế hoạch thực hiện quy hoạch và tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị, chương trình phát triển đô thị theo quy định.

- Đối với các khu dân cư hiện hữu, tổ chức rà soát hiện trạng, lập và thẩm định phê duyệt quy hoạch cải tạo, chỉnh trang cảnh quan kiến trúc, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo sự đồng bộ, khớp nối với khu vực quy hoạch đô thị mới, làm cơ sở để đầu tư xây dựng, quản lý trật tự xây dựng.

- Chịu trách nhiệm về các nội dung, thông tin, số liệu kinh tế - xã hội của địa phương và ngành có liên quan; nội dung tiếp thu giải trình ý kiến tham gia, thẩm định đối với đề án quy hoạch; tính chính xác tại nội dung đánh giá hiện trạng, thực trạng phát triển khu vực lập quy hoạch, đánh giá các dự án đầu tư xây dựng đang triển khai, quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất huyện Thanh Liêm được phê duyệt; các căn cứ, cơ sở của dự báo quy mô dân số đô thị; rà soát kiểm tra các quy hoạch, dự án đảm bảo sự thống nhất giữa các cấp độ quy hoạch (Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch tỉnh, điều chỉnh quy hoạch vùng huyện và các quy hoạch khác có liên quan), đánh giá các quy hoạch chi tiết, dự án đang triển khai bao gồm dự án nhà ở, dịch vụ thương mại, sản xuất..., không để xảy ra chồng chéo, tranh chấp trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, ký xác nhận vào bản vẽ quy hoạch theo đúng nội dung Quyết định được phê duyệt; thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát công các quản lý quy hoạch theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch được duyệt.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, chính sách, nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư theo Quy hoạch được duyệt theo trình tự ưu tiên từng giai đoạn đảm bảo tiến độ và đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, GTXD, KT, NN&TNMT;
- Lưu VT, GTXD.

QV. - D\QĐ\2024\074

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức